TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100105976
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-06-24 18:08:23

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM –CTCP (VIWASEEN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /BC-BKS

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019; đánh giá kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2018

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP ngày 22/06/2018;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty ngày 22/6/2018;
- Căn cứ báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP, Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm. ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Lê Minh Đức và bầu bổ sung bà Bùi Khánh Linh.

Nhân sự trong nhiệm kỳ của Ban kiểm soát như sau:

Họ tên	2014	2015	2016	2017	2018	
					6T đầu năm	6T cuối năm
Ông Lê Minh Đức - Trưởng Ban	√	√	√	√	√	
Bà Bùi Khánh Linh - Trưởng Ban						√
Ông Bùi Việt Trung - Thành viên	√	√	√	√	√	√
Ông Nguyễn Sinh Kiên - Thành viên	√	√	√	√	√	√

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ 2014 – 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp, thống nhất thông qua một số nội dung chính sau:

- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát gồm 3 chương, 15 điều; Thông qua chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên.

- Thông qua việc soát xét Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất bán niên và cả năm; đánh giá kết quả SXKD bán niên và cả năm của Tổng công ty .

- Thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên của Ban kiểm soát

- Thông qua các văn bản gửi HĐQT, Ban Tổng giám đốc khuyến nghị về xây dựng lực lượng sản xuất, công tác đầu tư và thực hiện đề án tái cơ cấu.

3.Các hoạt động của Ban kiểm soát:

Ngoài các cuộc họp BKS trực tiếp nêu trên, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát từng lĩnh vực hoạt động cụ thể tại Tổng công ty:

- Triển khai, thực hiện công tác giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT trong việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các Quy chế, quy định nội bộ Tổng Công ty. Soát xét và tham gia ngay từ ban đầu về tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thực hiện kiểm soát sau đối với các Quyết định của Ban điều hành.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Tổng Công ty thông qua đó đưa ra các ý kiến và kiến nghị đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành của Tổng Công ty...

- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán; soát xét, phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh các quý, bán niên và cả năm.

- Phối hợp, giám sát việc thực hiện bàn giao vốn từ Công ty Nhà nước sang công ty cổ phần, việc triển khai đề án tái cơ cấu.

- Trong nhiệm kỳ 2014 - 2019, Ban kiểm soát không nhận được văn bản từ cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra vấn đề cụ thể nào liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty cung cấp tài liệu, hồ sơ, thông tin, để Ban thực hiện nhiệm vụ ĐHĐ cổ đông giao.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT.

HĐQT đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, thực hiện phân công lại nhiệm vụ giữa các thành viên, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ trong việc tổ chức, quản lý, giám sát Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động của Tổng Công ty. Các hoạt động quản lý trong năm của HĐQT cụ thể như sau:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất (19), lấy ý kiến bằng văn bản (25) nhằm đảm bảo tính kịp thời cho công tác quản lý. Nội dung các cuộc họp, lấy ý kiến bám sát với nhiệm vụ quản lý và điều hành SXKD của Tổng Công ty.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết (15), quyết định (51) thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ, kiện toàn tổ chức sản xuất, nhân sự lãnh đạo, cử người đại diện phần vốn, bổ nhiệm và chấp thuận bổ nhiệm các cán bộ quản lý các cấp, quản lý các hoạt động đầu tư, phê duyệt kế hoạch tài chính, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung của đề án tái cơ cấu đến năm 2020 theo ủy quyền của ĐHĐ cổ đông.

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

- HĐQT đã định hướng và chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển, giám sát Ban điều hành thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định nội bộ của Tổng Công ty cũng như đưa ra các giải pháp, biện pháp chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư năm 2018 theo Nghị quyết của ĐHĐ cổ đông. Cử, bổ sung, thay thế và chỉ đạo Người đại diện vốn quản lý vốn của Tổng Công ty tại các Công ty thành viên, giám sát các hoạt động SXKD, đầu tư của các Công ty thành viên.

2. Công tác điều hành hoạt động SXKD, đầu tư của Ban Tổng giám đốc:

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành các hoạt động, Ban Tổng giám đốc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động như sau:

- Về hoạt động xây lắp: Ban điều hành đã chỉ đạo công tác đấu thầu, nhằm đảm bảo việc làm, đồng thời chỉ đạo, triển khai thi công, kiểm soát tiến độ, chất lượng tại các công trường. Tiến độ một số công trình vẫn còn bị chậm do các nguyên nhân khách quan, chủ quan nhưng phần lớn tiến độ các công trình đang thi công đã có những chuyển biến tích cực về chất và lượng.

- Về sản xuất công nghiệp: Sản phẩm chủ yếu vẫn là cung cấp nước thô tại nhà máy nước Đình Vũ cho nhà máy DAP, thị phần còn hạn chế.

- Trong hoạt động đầu tư: Ban điều hành chỉ đạo với tinh thần tích cực triển khai các dự án đầu tư chuyên ngành cũng như các dự án hạ tầng, bất động sản do Tổng Công ty làm chủ đầu tư, trong đó có dự án Trung Văn đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đem lại khoản doanh thu chiếm 25% doanh thu năm

2018. Thông qua Người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty tại các Công ty thành viên để phối hợp triển khai các dự án do các Công ty thành viên làm chủ đầu tư với mục tiêu có hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên việc triển khai các dự án chuyên ngành còn chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra;

- Về lĩnh vực tài chính: Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, đôn đốc công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ, tiếp tục thực hiện chủ trương, Nghị quyết của HĐQT trong việc triển khai đề án tái cơ cấu. Việc huy động vốn đảm bảo các quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động cho hoạt động SXKD. Mặc dù vậy việc sử dụng vốn chưa có hiệu quả cao, biên lợi nhuận trong hoạt động xây lắp còn hạn chế, ở một số công trình sự chậm trễ trong công tác thu hồi vốn vẫn còn xảy ra. Hoạt động SXKD của Tổng Công ty vẫn phải dùng vốn vay dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn cao, chi phí lãi vay lớn ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD.

- Về các lĩnh vực khác: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và điều hành bộ phận chuyên môn thực hiện công tác lập, kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ, năm theo quy định của Pháp luật cũng như việc tuân thủ các quy định về thuế đối với ngân sách. Triển khai việc kiện toàn hệ thống các đơn vị sản xuất, đơn vị quản lý tòa nhà, các quy định quản lý nội bộ thuộc phạm vi quản lý, nhân sự, bổ nhiệm các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền, cử các cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý và thi công tuy nhiên lực lượng lao động có tay nghề còn thiếu. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, quan tâm đến công tác an toàn và vệ sinh lao động tại các công trường, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

III. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Công tác lập Báo cáo tài chính:

Tổng Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, bán niên và cả năm 2018 theo quy định của Pháp luật, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán và Luật Kế toán hiện hành. Các báo cáo đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là Công ty kiểm toán được ĐHĐ cổ đông năm 2018 lựa chọn và đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

Từ 17/09/2018 đến 15/11/2018, Đoàn Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 và kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ. Các Báo cáo tài chính đã được điều chỉnh theo kết luận của Đoàn Kiểm toán tại Báo cáo Kiểm toán ngày 27/12/2018.

2. Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả SXKD năm 2018 của Công ty Mẹ:

2.1 Tình hình tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2017	Tại 31/12/2018	Tỷ lệ 2018/2017
A	B	1	2	3=2/1
I	**Tài sản ngắn hạn**	**772.402**	**1.357.448**	**175,7%**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39.168	143.816	367,2%
2	Phải thu ngắn hạn	472.793	553.173	117,0%
	Tr/đó: Phải thu ngắn hạn kh/hàng	*235.734*	*361.199*	153,2%
3	Hàng tồn kho	240.788	646.053	268,3%
	Tr/đó: CFSXKD DD DA Trung Văn	*0*	*391.267*	
4	Tài sản ngắn hạn khác	19.654	14.405	73,3%
II	**Tài sản dài hạn**	**775.529**	**350.822**	**45,2%**
1	Phải thu dài hạn	5.710	100	1,8%
2	Tài sản cố định	86.059	82.026	95,3%
3	Tài sản dở dang dài hạn	428.940	15.784	3,7%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	251.222	249.770	99,4%
5	Tài sản dài hạn khác	3.598	3.142	87,3%
	Tổng tài sản	**1.547.931**	**1.708.269**	**110,4%**
III	**Nợ phải trả**	**944.080**	**1.093.189**	**115,8%**
1	Nợ ngắn hạn	848.427	1.067.973	125,9%
	Tr. đó: Vay và nợ ngắn hạn	*395.708*	*337.746*	*85,4%*
	Phải trả người bán	*241.396*	*365.875*	*151,6%*
	Người mua trả tiền trước	*124.192*	*305.622*	*246,1%*
2	Nợ dài hạn	95.654	25.217	26,4%
IV	**Vốn chủ sở hữu**	**603.851**	**615.080**	**101,9%**
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	580.186	580.186	100,0%
	Quỹ đầu tư phát triển	437	1.410	322,9%
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.228	33.484	144,2%
	Tổng nguồn vốn	**1.547.931**	**1.708.269**	**110,4%**

Tổng tài sản của Công ty mẹ năm 2018 là 1.708.269 triệu đồng, tăng 10,04% so với năm 2017, nguyên nhân do tăng mạnh ở các khoản: tiền và các khoản tương đương tiền (năm 2018 bằng 367,2% năm 2017), phải thu ngắn hạn tăng 17%, hàng tồn kho năm 2018 bằng 268,3% năm 2017.

Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển mạnh sang tài sản ngắn hạn. Năm 2017, cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn là 1 – 1 thì năm 2018 cơ cấu này dịch chuyển thành 3,86 – 1 do chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án Trung Văn đã chuyển hóa thành khoản hàng tồn kho, sản phẩm của dự án đã hình thành và được đưa vào kinh doanh.

Cơ cấu nguồn vốn cũng có sự dịch chuyển. Năm 2017, nợ ngắn hạn chiếm 89,86% tổng nợ phải trả thì sang năm 2018 là 97,69%. Nguồn vốn dài hạn năm 2018 của Tổng công ty là 640.297 triệu đồng được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu 615.080 triệu đồng và nguồn nợ dài hạn 25.217 triệu đồng, chỉ dành 54%

tài trợ cho tài sản dài hạn (350.822 triệu đồng), phần còn lại được đưa vào sản xuất kinh doanh, không còn tình trạng vốn lưu động ròng âm như năm 2017.

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2017	2018	Thực hiện 2018/2017
A	B	1	2	3=2/1
1	Doanh thu thuần	658.592	1.083.625	164,5%
	Xây lắp	*533.523*	*768.851*	144,1%
	Bất động sản	*87.397*	*270.969*	310,0%
	Bán hàng và dịch vụ khác	*37.672*	*43.805*	116,3%
2	Giá vốn hàng bán	617.020	1.033.840	167,6%
	Xây lắp	*515.914*	*758.362*	147,0%
	Bất động sản	*71.496*	*238.219*	333,2%
	Dịch vụ khác	*29.610*	*37.259*	125,8%
3	Lợi nhuận gộp	41.572	49.785	119,8%
	Xây lắp	*17.609*	*10.489*	59,6%
	Bất động sản	*15.901*	*32.750*	206,0%
	Dịch vụ khác	*8.062*	*6.546*	81,2%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	17.357	27.258	157,0%
5	Chi phí tài chính	19.409	20.624	106,3%
	Trong đó: Lãi tiền vay	*13.968*	*18.976*	*73,6%*
6	Chi phí bán hàng	-	3.214	
7	Chi phí QLDN	27.767	32.011	115,3%
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.255	18.110	160,9%
9	Lợi nhuận sau thuế	8.075	12.203	151,1%

Doanh thu năm 2018 của Công ty mẹ tăng đáng kể, bằng 164,5% so với năm 2017. Doanh thu từ các lĩnh vực đều tăng, đặc biệt là từ kinh doanh bất động sản bằng 310% so với năm 2017. Tỷ trọng sản phẩm xây lắp chiếm 70,95% (năm 2017 chiếm 81%), kinh doanh bất động sản chiếm 25% (năm 2017 là 13,27%)

Chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi tiền vay đều tăng về giá trị tuyệt đối nhưng giảm về tỷ lệ % tương đối. Năm 2018, chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 2,95% doanh thu (năm 2017 là 4,21%), lãi tiền vay bằng 1,75% doanh thu (năm 2017 là 2,12%)

2.3 Các chỉ tiêu chủ yếu đánh giá tình hình tài chính của Công ty Mẹ:

Chỉ tiêu	2017	2018
I. Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	50%	79%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	50%	21%
Hàng tồn kho / Tổng tài sản	16%	38%
II. Cơ cấu nguồn vốn		
Hệ số nợ = Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	61%	64%

Chỉ tiêu	2017	2018
Hệ số nợ phải trả trên Vốn CSH	1,56	1,78
Hệ số tự tài trợ = Vốn CSH / Tổng nguồn vốn	39%	36%
Hệ số đòn bẩy tài chính = Tổng TS bình quân / Vốn CSH bình quân	2,56	2,67
Hệ số thích ứng dài hạn = Tài sản dài hạn / (Vốn CSH + Nợ dài hạn)	1,11	0,55
III. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện thời	0,91	1,27
Khả năng thanh toán nhanh	0,63	0,67
IV Khả năng sinh lời		
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	0,52%	0,75%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	1,23%	1,13%
Biên lợi nhuận gộp	6,31%	4,59%
Tỷ suất LNST trên vốn CSH (ROE)	1,34%	1,98%
V. Hiệu quả hoạt động		
Vòng quay tài sản	0,43	0,67
Vòng quay vốn lưu động	0,85	1,02
VI. Mức độ bảo toàn vốn năm sau so năm trước	1,01	1,02

Cơ cấu tài sản dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang ngắn hạn khiến khả năng thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh đều được cải thiện và đảm bảo mức an toàn. Năm 2017, hệ số thanh toán hiện thời < 1 lần nhưng sang năm 2018 đã được cải thiện thành 1,27 lần, hệ số thanh toán nhanh cũng từ 0,63 lần lên thành 0,67 lần > mức an toàn 0,5.

Hệ số thích ứng dài hạn đánh giá khả năng trang trải tài sản dài hạn bằng các nguồn vốn ổn định dài hạn đã được đưa về mức độ an toàn < 1, khắc phục tình trạng vốn lưu động ròng âm của năm trước.

Mức độ bảo toàn vốn 1,02 lần và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 1,78 lần <3, đảm bảo an toàn. Các chỉ số về hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời đều được cải thiện.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018:

(i). Tổng doanh thu thực hiện (bao gồm doanh thu tài chính) là 1.114,08 tỷ đồng trên kế hoạch là 994,14 tỷ đồng, bằng 112%.

(ii). Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện là 18,11 tỷ đồng trên kế hoạch là 18,10 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch. (Trong năm, Công ty mẹ trích lập dự phòng đầu tư tài chính, tương ứng với giảm lợi nhuận là 1,45 tỷ đồng)

(iii). Giá trị đầu tư thực hiện là 255,03 tỷ đồng trên 255,03 tỷ đồng kế hoạch, đạt 100%, chủ yếu tập trung vào dự án Trung Văn.

(iv). Chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2017 đã được chi trả 100% theo tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Năm 2018, Tổng công ty đã tạm ứng chi là 1.333 triệu đồng (kế hoạch là 1.510 triệu đồng).

(v). Kết quả năm 2018, Tổng công ty chưa hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu cổ tức, nguyên nhân là do:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 Công ty mẹ đạt 12,20 tỷ đồng, lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 33,48 tỷ đồng. Tuy nhiên, do một số công ty thành viên hoạt động chưa hiệu quả nên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty là 4,77 tỷ đồng. Căn cứ theo Khoản d, Mục 1, Điều 74 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 "Công ty Mẹ được phân phối lợi nhuận cho Chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất", Tổng công ty chỉ có thể phân phối lợi nhuận trên giá trị là 4,77 tỷ đồng.

4. Chỉ tiêu kết quả SXKD trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được hợp nhất từ Công ty mẹ, 10 công ty con, 2 công ty đầu tư gián tiếp và 7 công ty liên doanh, liên kết. Kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	2017	2018	Thực hiện 2018 so 2017
A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	1.418.782	1.968.242	138,7%
	Doanh thu thuần về BH và CCDV	*1.408.362*	*1.958.485*	139,1%
	Doanh thu hoạt động tài chính	*4.990*	*3.647*	73,1%
	Thu nhập khác	*5.430*	*6.111*	112,5%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.120	31.217	59,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	43.059	13.419	31,2%
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	30.794	1.403	4,6%

IV. VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Các dự án đầu tư Tổng Công ty đang triển khai, thực hiện

a. Về dự án đầu tư chuyên ngành:

- Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất nước sạch trong Khu công nghiệp Đình Vũ – Cát Hải (TP. Hải Phòng): đã thực hiện xong công tác rà soát và điều chỉnh lại chủ trương đầu tư dự án nhưng đến nay chưa triển khai được do chưa thống nhất được nguyên tắc hợp tác đầu tư với đối tác và gặp một số vướng mắc khách quan về mặt bằng xây dựng nhà máy.

- Dự án Hệ thống cấp nước thô cho KKT Đình Vũ (TP. Hải Phòng): HĐQT đã thông qua chủ trương hợp tác với Tập đoàn Sao Đỏ đầu tư tuyến ống D600-700 từ sông Đa Độ nhằm phát huy tối đa công suất khai thác giai đoạn 1 của dự án cấp nước thô, nhưng đến nay chưa triển khai được do chưa thống nhất được hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư với đối tác.

- Dự án cấp nước cho Khu kinh tế Dung Quất mở rộng (Tỉnh Quảng Ngãi): Dự án đã được HĐQT thông qua và Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương dừng

đầu tư, hiện đang tìm kiếm đối tác phù hợp để đàm phán, chuyển nhượng nhằm thu hồi phần vốn góp đã đầu tư vào dự án.

b. Về dự án bất động sản:

- Dự án Tổ hợp nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ thương mại tại phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm và phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân: là dự án có tính chất trọng yếu trong hoạt động SXKD và tài chính của Tổng Công ty, đã hoàn thành đưa dự án vào khai thác sử dụng. Hiện Dự án đã đưa sản phẩm vào kinh doanh được 50 căn hộ và 27.832 m2 văn phòng, TTTM.

- Dự án tổ hợp nhà ở và chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê Viwaseen Hạ Đình: Tổng công ty đã hợp đồng hợp tác đầu tư với Cty TNHH Tiến Đại Phát thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư số 030914/VIWASEEN-TDP ngày 03/9/2014 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐ cổ đông chấp thuận. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn về tiến độ nhưng dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện. Năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục tiến hành thỏa thuận lại với đối tác tuy nhiên chưa có kết luận cuối cùng.

- Dự án Đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Tổng công ty tại 52 Quốc Tử Giám: HĐQT đã thông qua các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hiện đang tiếp tục triển khai các bước theo quy trình chuẩn bị đầu tư.

Đầu tư máy móc, thiết bị tăng năng lực sản xuất, thi công

Hiện nay, Tài sản của Tổng Công ty chủ yếu là nhà cửa, vật kiến trúc và nhà máy nước Đình Vũ. Tổng Công ty đã có chủ trương và triển khai mua sắm một số thiết bị để phục vụ thi công, tuy vậy năng lực máy móc, thiết bị thi công còn hạn chế.

Đầu tư tài chính dài hạn

Tại thời điểm cuối năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận có vốn góp trực tiếp tại Công ty con (12), Công ty liên doanh, liên kết (7) và Công ty khác (02) với tổng giá trị đầu tư là: 249.769 triệu đồng, chiếm 43% Vốn điều lệ. Trong các đơn vị Tổng Công ty góp vốn có một số đơn vị kinh doanh thua lỗ (Viwaseen.1; Viwaseen.4; Viwaseen.15…) phần lớn các Công ty này có quy mô quá nhỏ, hoạt động chủ yếu là xây lắp nên hiệu quả còn thấp, rủi ro cao.

V. NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Qua thực hiện công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát xin kiến nghị một số vấn đề như sau:

1. Tổng Công ty cần tiếp tục có các giải pháp xử lý các vấn đề về tài chính cần thiết và trích lập các khoản dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, khắc phục các ý kiến ngoại trừ của đơn vị Kiểm toán trong báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính.

2. Sớm thực hiện quyết toán hoàn thành xây dựng cơ bản dự án Trung Văn nhằm nghiệm thu, bàn giao và thu được toàn bộ tiền bán hàng, thực hiện các thủ tục tăng tài sản cố định và tính chi phí khấu hao phù hợp với quy định của pháp luật; mua bảo hiểm tài sản cố định; đẩy mạnh công tác bán hàng với tòa chung cư. Đối với Dự án Hạ Đình chưa được triển khai, tiến độ thực hiện không đảm

bảo như cam kết trong hợp đồng, Tổng Công ty cần sớm có ý kiến chính thức với đối tác trong việc thực hiện dự án và các trách nhiệm theo hợp đồng đã ký. Hoàn thành các thủ tục bàn giao số liệu tài chính có liên quan đến dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bắc Sông Hồng. Giải quyết các vấn đề trong quá trình đầu tư kịp thời và dứt điểm.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng, công tác đấu thầu, quản lý tốt tiến độ, chi phí các hợp đồng nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao hiệu quả SXKD; rà soát, hoàn thiện Quy chế quản lý hợp đồng xây lắp, quy chế giao thầu, giao khoán. Chú trọng hơn nữa đến việc đào tạo nguồn nhân lực quản lý, phát triển lực lượng lao động có tay nghề, đầu tư MMTB tăng năng lực sản xuất nhằm đáp ứng được yêu cầu thi công các công trình.

4. Nợ phải thu (553 tỷ); Hàng tồn kho (646 tỷ, trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công trình xây lắp 242 tỷ) tồn đọng quá lớn, do vậy Tổng Công ty cần có các giải pháp tập trung thu hồi vốn các công trình, các khoản nợ phải thu còn nợ đọng, đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư cũng như hoàn thành nghiệm thu, quyết toán với các đơn vị nhận thầu, nhận khoán.

5. Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu đã đề ra, đảm bảo việc thực hiện thoái vốn Nhà nước theo tinh thần Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Xây dựng tại Tổng Công ty (Công ty Mẹ) thành công đồng thời mặt khác vẫn đảm bảo sự ổn định, phát triển của Tổng Công ty. Có giải pháp đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con hoạt động thua lỗ, kém hiệu quả.

6. Xem xét, nghiên cứu, cải tiến mô hình quản trị công ty mẹ có hệ thống kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý rủi ro kịp thời, đảm bảo quy trình quản trị của Công ty mẹ có hiệu suất cao.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM CTCP

Bùi Khánh Linh